TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST Ngày: 07 - 7 - 2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mua.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Số A, đường L, phường T4, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B1, huyện T5, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, anh và chị Phạm Thị Hồng N tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 03/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện T5, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung

sống hạnh phúc được khoảng 08 năm, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cự cải, diễn ra trong thời gian dài không thể điều hòa được dẫn đến mất hạnh phúc. Nên anh và chị N sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh và chị N có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Nhật T6, sinh ngày 04/5/2014 hiện chị N đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu T6 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng cho con hàng tháng số tiền 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 07/7/2023 cho đến khi cháu T6 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Hồng N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử: Xét ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con như nhận định, giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị N theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Anh T, chị N vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống không điều hòa được dẫn đến mất hạnh phúc. Anh T, chị N có thời gian sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết khác đối với yêu cầu ly hôn của anh T. Căn cứ vào lời trình bày của anh T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa anh T và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa anh T và chị N.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh T và chị N có với nhau 01 người con chung là cháu T6 đã trên 09 tuổi hiện chị N đang nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không giao nộp văn bản trình bày nguyện vọng của cháu T6, không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết khác đối với yêu cầu giao quyền trực tiếp nuôi con, đồng ý cấp dưỡng cho con của anh T. Xét để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt của cháu T6; việc anh T đưa ra mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng, thời hạn cấp dưỡng cho con như trên là phù với thu nhập, khả năng thực tế của anh T và nhu cầu thiết yếu của cháu T6. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, các điều 82, 83, 110, khoản 1 Điều 116, các điều 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu T6 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T6 hàng tháng số tiền 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 07/7/2023 cho đến khi cháu T6 đủ 18 tuổi; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về tố tụng*" và các mốc đơn [1], [2] "*Về nội dung*", Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, các điểm a và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết anh T phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng cho con số tiền 300.000 đồng, tổng cộng án phí số tiền 600.000 đồng và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, nên anh T còn phải nộp tiếp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, các điều 82, 83, 110, khoản 1 Điều 116, các điều 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5, khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5, các điểm a và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Hồng N.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Nhật T6, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2014 cho chị Phạm Thị Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Nhật T6 hàng tháng số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 07 tháng 7 năm 2023 cho đến khi cháu T6 đủ 18 (Mười tám) tuổi.

2.3. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng cho con số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Tổng cộng án phí anh T phải nộp số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0011242 ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Nên anh T còn phải nộp tiếp án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Nguyễn Văn T, vắng mặt chị Phạm Thị Hồng N. Báo cho anh T có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem

xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị N vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã B1: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.